

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới bởi lo ngại lạm phát tăng cao và căng thẳng leo thang giữa Nga và Ukraine

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

BSR, VHC

[Cập nhật công ty]

KBC

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi mua lại 1 phần vị thế trading, NĐT được khuyến nghị tiếp tục quay vòng chốt lời ngắn từng phần tại các vùng cản kế tiếp của các mã mục tiêu.

18/2/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,504.84	-0.21
VN30	1,531.47	-0.59
HĐTL VN30F1M	1,525.00	-1.01
HNXIndex	435.61	+1.25
HNX30	778.13	+2.01
UPCoM	112.72	+0.27
USD/VND	22,828	+0.25
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.20	-3
Lãi suất qua đêm (%)	2.63	+16
Dầu (WTI, \$)	90.70	-1.16
Vàng (LME, \$)	1,894.03	-0.23



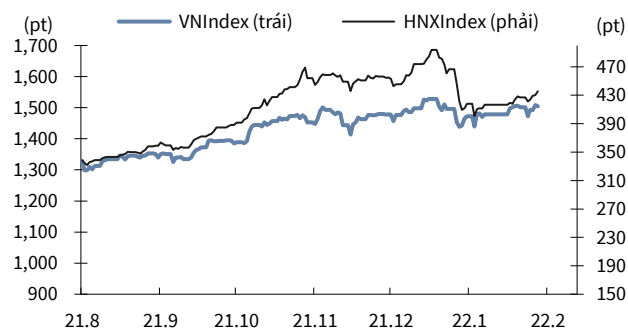
Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,504.84 (-0.21%)
KLGD (triệu CP)	697.5 (+24.1%)
GTGD (triệu US\$)	964.9 (+12.9%)
HNXIndex	435.61 (+1.25%)
KLGD (triệu CP)	85.0 (+26.0%)
GTGD (triệu US\$)	102.3 (+27.2%)
UPCoM	112.72 (+0.27%)
KLGD (triệu CP)	111.7 (+84.1%)
GTGD (triệu US\$)	61.2 (+16.8%)

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới bởi lo ngại lạm phát tăng cao và căng thẳng leo thang giữa Nga và Ukraine. Giá dầu giảm trước thông tin tích cực từ các cuộc đàm phán hạt nhân giữa Mỹ và Iran đang xoa dịu phần nào áp lực gia tăng đối với giá dầu khiến cổ phiếu dầu khí giảm giá ở PVS (-0.7%), PVD (-0.6%). Theo thông tin từ Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), giá các nguyên, nhiên liệu sản xuất thép tăng trở lại ở mức cao khiến giá thép tăng lên tác động tích cực đến cổ phiếu ngành thép ở NKG (+4%), HPG (+1.2%). Cổ phiếu FPT Retail FRT (+7%) sau khi FPT Long Châu ký hợp đồng phân phối một triệu viên thuốc trị Covid -19 là Molnavir 400 và Molnupiravir Stella 400. Khối ngoại mua ròng ở KBC (0%), MSN (+0.2%), DXG (+2.1%).

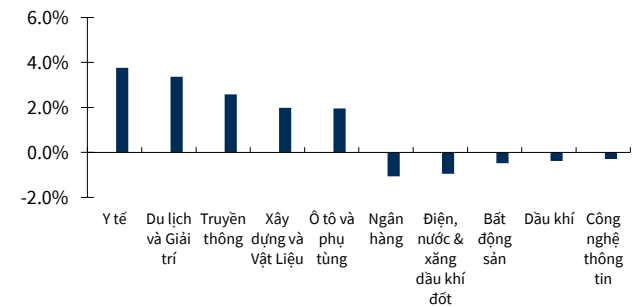
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +2.7

VNIndex & HNXIndex



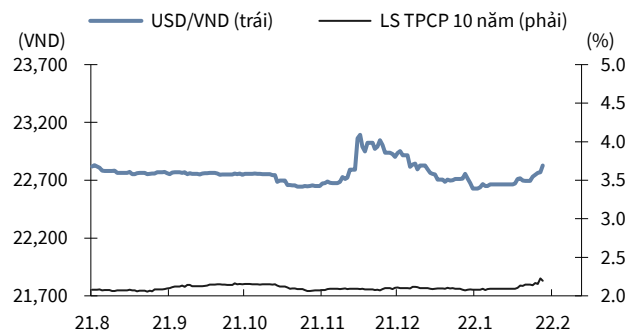
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



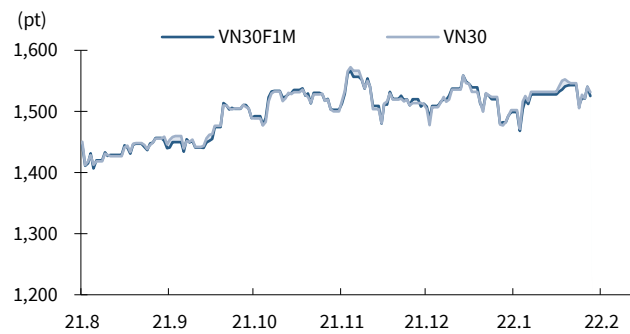
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,531.47 (-0.59%)
VN30F1M	1,525.0 (-1.01%)
Mở cửa	1,525.0
Cao nhất	1,527.8
Thấp nhất	1,518.3
KLGD (HĐ)	134,350 (-10.4%)

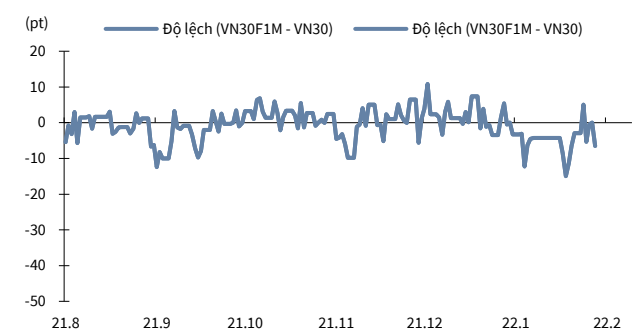
Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2203 và chỉ số VN30 biến động với biên độ lớn trong phiên hôm nay trong khoảng -2.14 và -17.21 điểm phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư, và đóng cửa ở mức -6.67 điểm. Khối ngoại mua ròng với thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

HĐTL VN30F1M & VN30



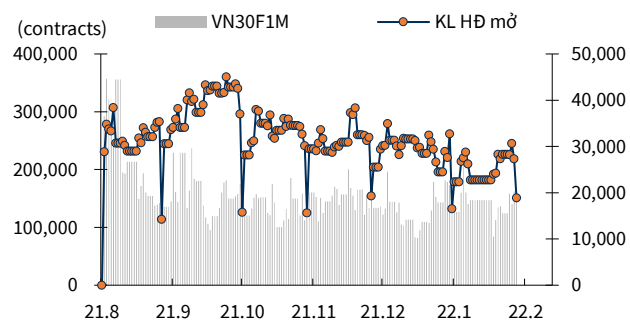
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



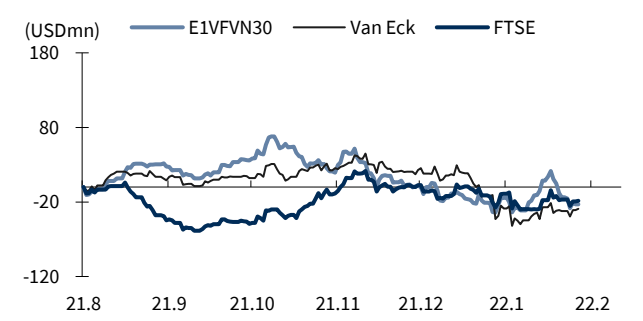
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

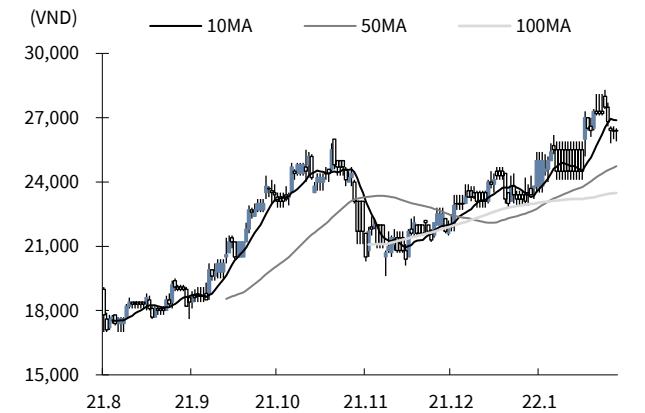
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Lọc – Hoá dầu Bình Sơn (BSR)

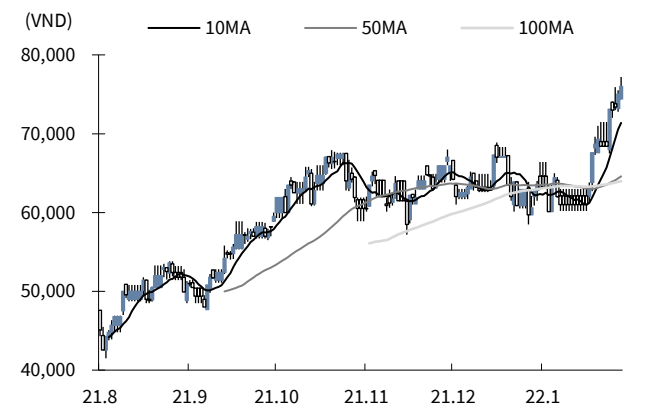


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BSR tăng 0.38% lên 26,400 VND/cp

- Lãnh đạo Lọc hóa dầu Bình Sơn cho biết kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 1,400 tỷ đồng với tổng doanh thu hơn 91,000 tỷ đồng, lần lượt giảm 79% và 10% so với thực hiện năm trước. Bên cạnh đó, từ đầu năm đến nay, nhà máy lọc dầu Dung Quất sản xuất đưa ra thị trường hơn 680,000 tấn sản phẩm xăng dầu các loại, đạt 115% kế hoạch.

CTCP Vĩnh Hoàn (VHC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VHC tăng 1.33% lên 76,000 VND/cp

- Vĩnh Hoàn công bố doanh thu xuất khẩu tháng 1 đạt 777 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước và giảm 13% so với tháng 12/2021. Trong đó, doanh thu cá tra đạt 489 tỷ đồng (+11% YoY), sản phẩm phụ 117 tỷ đồng (+28% YoY) và sản phẩm chăm sóc sức khỏe đạt 85 tỷ đồng (+19% YoY). Theo cơ cấu thị trường, thị trường Mỹ tiếp tục tăng 25% lên 332 tỷ đồng, châu Âu tăng 20% lên 131 tỷ đồng, các thị trường khác tăng 34% trong khi Trung Quốc giảm 36%.

TCT phát triển đô thị Kinh Bắc (KBC)

Khai phá tiềm năng từ Tràng Cát

Chuyên viên phân tích – Tiêu Phan Thanh Quang
quangtpt@kbsec.com.vn

18/02/2022

Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 75,000VNĐ

Diện tích đất thương phẩm chuẩn bị mở bán tăng mạnh trong 2 năm tới: 309 ha lên 1369 ha mảng KCN, 56 ha lên 306 ha KĐT

Biên gộp duy trì ở mức cao trong những năm tới nhờ giá cho thuê các dự án tăng giá trung bình 12%/năm

Định giá ở mức hấp dẫn khi KBC vẫn đang liên tục nghiên cứu và mở rộng quỹ đất hiện có

Chúng tôi khuyến nghị MUA cổ phiếu KBC với giá mục tiêu 75,000VNĐ/cổ phiếu, tương đương mức tổng lợi suất sinh lời 28.2% dựa trên phương pháp định giá tổng tài sản (RNAV). Chúng tôi đưa ra khuyến nghị dựa trên các yếu tố sau:

Chúng tôi kì vọng quỹ đất KCN sắp tới của KBC sẽ tăng đáng kể từ 309 ha lên 1369 ha nhờ các phê duyệt quan trọng từ dự án Tràng Duệ 3 với 456 ha, KCN Quang Châu mở rộng với 78 ha, cụm CN Long An và KCN Nam Tân Tập với lần lượt 171 và 111 ha, cụm CN Hưng Yên 244 ha. Chúng tôi cũng kì vọng dự án KĐT trọng điểm của KBC - KĐT Tràng Cát sẽ được mở khoá và đóng góp 250 ha đất thương phẩm từ năm 2022.

Chúng tôi nhận thấy giá bán tại các KCN của KBC đã có sự cải thiện đáng kể so với 2020, cụ thể: giá bán tại Quang Châu đã tăng từ 90 USD/m² lên 108 USD/m², giá bán tại Tân Phú Trung đã tăng từ 110 USD lên 134 USD/m², qua đó giúp biên gộp mảng KCN cải thiện từ mức 25.5% vào 2020 lên 63.2% vào 2021. Chúng tôi cũng kì vọng các dự án sắp tới của KBC sẽ có biên gộp cải thiện khi: KĐT Phúc Ninh hiện đang có giá thị trường trên 30 triệu VNĐ/m² trong khi giá bàn giao các hợp đồng cũ mới chỉ 18 triệu VNĐ/m², KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (NSHL) bàn giao giá 100 USD/m² trong khi giá khu vực xung quanh giao động từ 100-120 USD/m².

Với vị thế là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực KCN và có mối quan hệ mật thiết với chính quyền địa phương, KBC đã liên tục gia tăng quỹ đất sở hữu: dự án KĐT Nam Vũng Tàu 69 ha được UBND Vũng Tàu chọn làm CĐT vào 2020, dự án KCN Nam Tân Tập 245 ha (sở hữu 41%) đã được thủ tướng phê duyệt, và 2500 ha diện tích KCN khác đang nghiên cứu tại Hải Dương, Hưng Yên và Long An.

Mua

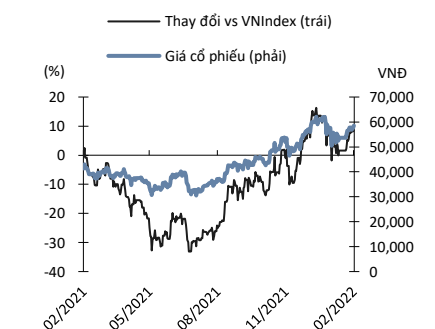
Giá mục tiêu	VNĐ 75,000
Tăng/giảm (%)	28.2%
Giá hiện tại (17/02/2022)	VNĐ 58,500
Giá mục tiêu thị trường	VNĐ 71,108
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	33,678

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	72.8%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	502.32
Sở hữu nước ngoài (%)	31.4%
Cổ đông lớn	Đặng Thành Tâm (15.0%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
KBC	8.9	12.1	60.3	36.0
VNINDEX	5.0	9.7	44.9	5.9

Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh thu (tỷ VNĐ)	2,151	4,309	14,546	16,383
EBIT	366	1,845	7,904	9,344
LN sau CĐT	224	784	5,068	6,223
EPS (VNĐ)	429	1,238	7,964	9,729
Thay đổi EPS (%)	-75.3	188.6	543.0	22.0
P/E (x)	56.9	49.1	9.4	7.7
EV/EBITDA (x)	37.2	21.6	6.3	5.0
P/B (x)	1.1	2.1	2.0	1.5
ROE (%)	3.0	5.9	27.1	25.0
Tỷ suất cổ tức (%)	0.0	0.0	0.0	0.0



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap giảm điểm đầu phiên, VNIndex dần hồi phục và lấy lại phần lớn điểm số đã mất về cuối phiên.
- Áp lực chốt lời ngắn hạn sau một phiên tăng mạnh gây cản trở đà tăng của chỉ số. Mặc dù vậy, xu hướng tăng, vẫn đang đóng vai trò chủ đạo, đã giúp chỉ số sớm lấy lại trạng thái cân bằng hơn. Cơ hội mở rộng đà tăng điểm và hướng lên vùng kháng cự kế tiếp tại quanh 152x vẫn tiếp tục được đánh giá cao.
- Sau khi mua lại 1 phần vị thế trading, NĐT được khuyến nghị tiếp tục quay vòng chốt lời ngắn từng phần tại các vùng cản kế tiếp của các mã mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1539 – 1544

Kháng cự gần: 1530 – 1533

Hỗ trợ gần: 1513 – 1517

Hỗ trợ xa: 1496 – 1501

- Sau nhịp mở gap giảm điểm đầu phiên, F1 diễn biến giằng co trong biên độ hẹp với các nhịp tăng giảm đan xen và hình thành mẫu nến Doji vào cuối phiên.
- Áp lực chốt lời ngắn hạn sau một phiên tăng mạnh gây cản trở đà tăng của chỉ số. Mặc dù vậy, xu hướng tăng, vẫn đang đóng vai trò chủ đạo, đã giúp chỉ số sớm lấy lại trạng thái cân bằng hơn. Cơ hội mở rộng đà tăng điểm và hướng lên vùng kháng cự kế tiếp tại quanh 1550 (+5) vẫn tiếp tục được đánh giá cao.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục linh hoạt trading 2 chiều, Long tại hỗ trợ và Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đứng ngoài quan sát.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

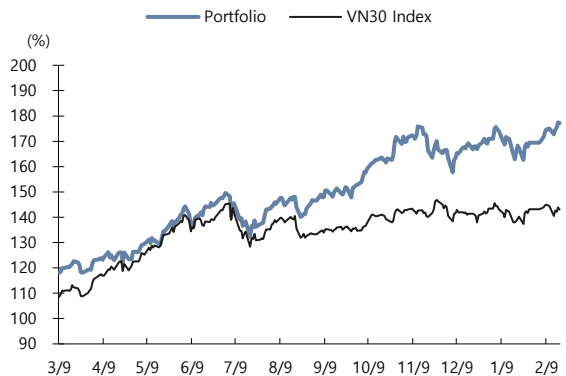
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.59%	-0.18%
Tăng lũy kế (YTD)	43.03%	77.12%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 18/02/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	134,000	-0.4%	73.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	55,200	0.7%	149.5%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	107,000	-0.8%	39.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	216,500	-1.0%	12.8%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	72,500	1.4%	113.2%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	92,200	-0.6%	216.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	34,600	-0.9%	83.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	117,000	-1.4%	59.4%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	47,050	1.2%	225.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	58,500	0.0%	327.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
KBC	0.0%	17.6%	48.2
MSN	0.2%	28.7%	42.8
DXG	2.1%	29.1%	34.9
GMD	1.4%	42.5%	34.4
PNJ	-0.8%	47.6%	28.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SSI	0.4%	39.1%	-61.4
NVL	-0.6%	7.2%	-40.2
VND	1.4%	19.6%	-13.0
HPG	1.2%	23.3%	-118.2
VRE	-2.5%	30.1%	-44.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLC	1.4%	1.1%	5.4
THD	0.3%	1.6%	4.2
SCI	8.0%	1.4%	3.6
APS	1.5%	0.9%	0.6
PVI	-0.2%	57.8%	0.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	3.8%	8.9%	-47.7
VCS	-1.5%	3.9%	-13.4
PVS	-0.7%	9.2%	-1.4
TDN	-2.2%	1.2%	-0.8
BVS	2.2%	9.7%	-0.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	8.0%	VJC, HVN
Truyền thông	6.2%	YEG, PNC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	4.9%	GEX, REE
Ô tô và phụ tùng	4.8%	TCH, HAX
Y tế	4.2%	DHG, TNH

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-4.3%	BID, VCB
Hóa chất	0.2%	GVR, PHR
Tài nguyên Cơ bản	0.2%	HPG, DTL
Dịch vụ tài chính	0.3%	HCM, TVS
Dầu khí	0.6%	PVD, PLX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	20.0%	VJC, HVN
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8.5%	GAS, POW
Tài nguyên Cơ bản	8.4%	HPG, HSG
Hàng cá nhân & Gia dụng	8.4%	PNJ, GIL
Bảo hiểm	8.2%	BVH, MIG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bất động sản	-1.9%	VIC, NVL
Xây dựng và Vật Liệu	-0.7%	VCG, CII
Ngân hàng	-0.1%	BID, VCB
Ô tô và phụ tùng	3.1%	TCH, HHS
Bán lẻ	4.3%	MWG, BTT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	396,228 (17.5)	22.5	59.8	32.3	14.7	5.7	9.5	3.2	2.9	-1.1	0.6	14.3	-13.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	332,776 (14.7)	26.6	9.1	7.4	35.9	26.5	24.9	2.2	1.8	-1.4	0.0	3.5	-2.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	241,643 (10.6)	17.8	26.3	18.5	-7.6	9.1	10.3	2.3	2.2	-2.5	-2.9	3.7	11.6
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	199,105 (8.8)	31.3	26.7	18.2	6.7	13.9	15.1	4.4	3.2	-0.6	0.5	-2.0	-13.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	61,388 (2.7)	11.6	23.2	17.0	18.0	15.6	24.2	3.3	2.7	-1.6	2.3	6.9	5.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	284,826 (12.5)	13.9	15.7	18.7	-	14.9	12.5	2.3	2.2	2.1	10.8	29.9	11.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	173,390 (7.6)	6.3	16.9	13.5	11.7	20.6	20.8	3.0	2.5	-0.3	-3.1	-0.5	10.7
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	167,864 (7.4)	12.7	17.8	12.3	-5.3	16.0	20.5	2.3	1.9	-2.8	-6.7	-0.4	20.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	566,505 (25.0)	0.0	8.7	7.3	14.3	20.5	19.9	1.6	1.3	-1.1	-3.9	5.8	3.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	442,053 (19.5)	1.4	9.4	7.3	61.1	18.9	20.9	1.5	1.3	-0.9	-6.0	0.1	2.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	488,667 (21.5)	0.0	10.7	8.6	18.8	16.2	16.3	1.7	1.4	-1.1	-1.9	8.0	0.3
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	679,110 (29.9)	0.0	8.4	7.1	14.6	22.3	21.1	1.6	1.3	-1.7	-3.8	9.2	13.0
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	167,704 (7.4)	4.2	8.5	7.3	23.3	21.0	20.2	1.6	1.4	-0.8	-5.4	-0.2	-4.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	931,221 (41.0)	14.0	14.0	10.1	26.5	11.9	16.2	1.7	1.5	-1.6	-5.5	-1.6	5.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	292,749 (12.9)	0.0	10.1	8.3	37.5	21.1	22.0	2.0	1.7	-0.9	-4.8	4.9	-0.6
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	34,212 (1.5)	0.2	78.3	26.0	27.3	3.1	9.1	2.5	2.3	-0.4	0.4	11.1	6.7	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	38,514 (1.7)	21.0	20.4	15.1	15.8	9.6	11.9	1.8	1.7	0.7	4.0	11.0	2.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	13,493 (0.6)	14.2	19.5	16.8	9.1	10.9	12.6	1.8	1.7	-0.1	1.8	-2.6	-10.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	380,723 (16.8)	55.4	21.6	20.3	-3.2	13.7	14.8	-	-	0.4	0.2	6.9	-12.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	133,420 (5.9)	71.9	-	-	-4.0	25.8	-	-	-	2.4	-1.0	12.5	-16.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	91,178 (4.0)	52.4	-	-	-19.0	21.4	-	-	-	1.9	-1.8	2.4	-16.9
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	296,143 (13.0)	27.2	-	-	36.3	19.8	-	-	-	1.4	0.8	15.5	-12.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	165,643 (7.3)	42.1	16.2	14.9	4.0	32.3	34.0	4.8	4.5	-0.2	-1.7	-3.4	-6.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	28,990 (1.3)	36.9	26.6	22.2	7.3	19.6	21.4	4.6	4.2	-0.6	6.1	12.2	12.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	141,995 (6.3)	16.5	31.3	22.3	-51.9	20.7	23.3	6.5	5.0	0.2	9.0	14.9	-4.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	100,267 (4.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.4	2.5	-5.3	-20.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	116,486 (5.1)	11.0	-	64.9	-88.5	1.0	10.1	-	-	5.2	12.2	19.7	16.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	76,610 (3.4)	10.8	22.1	20.3	-57.0	11.9	13.6	2.6	2.5	1.4	7.3	26.1	9.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	367,028 (16.2)	38.4	16.8	7.9	65.7	8.2	15.7	1.4	1.3	6.8	16.2	21.1	-32.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	154,603 (6.8)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	1.5	7.1	15.1	-39.0
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	514,512 (22.7)	37.7	-	-	-13.2	11.9	14.9	-	-	-0.1	7.6	5.4	-1.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	63,178 (2.8)	3.6	17.7	17.5	-52.4	4.7	4.6	0.8	0.9	-1.1	-1.1	-5.1	-14.2
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	29,725 (1.3)	0.0	10.6	8.9	-4.5	13.2	14.9	1.4	1.3	1.4	6.1	13.3	4.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND triệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	120,489 (5.3)	46.1	19.1	17.1	-17.5	22.3	23.7	4.1	3.7	-1.4	5.4	9.3	21.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	11,704 (0.5)	31.4	10.5	11.8	-10.5	15.1	14.3	1.8	1.6	0.2	1.3	9.3	-8.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,001 (0.2)	34.1	14.1	8.8	-5.1	10.3	16.7	1.4	1.4	-0.4	-0.9	0.9	-6.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	849,676 (37.4)	18.0	6.9	6.8	21.9	29.5	24.1	1.7	1.4	1.2	-0.2	6.9	1.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	163,857 (7.2)	36.5	11.5	16.0	-0.5	17.4	11.7	1.8	1.7	2.3	5.7	17.2	-1.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	94,161 (4.1)	46.5	12.0	14.5	-4.5	19.9	14.6	2.2	1.9	0.7	0.8	5.5	-16.3
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	222,614 (9.8)	38.9	6.0	6.8	67.9	25.0	19.2	1.3	1.1	1.8	0.4	12.4	-0.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	71,077 (3.1)	97.2	19.8	17.7	17.2	-	-	1.2	1.2	0.3	1.1	2.8	-10.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	127,560 (5.6)	4.6	19.6	17.4	-51.0	16.3	17.5	3.0	2.8	-0.3	0.7	10.7	10.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	246,243 (10.9)	39.9	28.8	14.0	-11.9	3.5	6.6	0.9	0.8	-0.6	0.0	-8.7	4.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	44,301 (2.0)	35.9	8.8	7.4	1.2	16.7	16.3	1.3	1.0	-0.7	0.2	9.0	-5.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	110,972 (4.9)	0.0	15.4	13.1	13.7	27.8	28.4	3.9	3.4	-0.4	-1.0	3.0	-1.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	82,869 (3.7)	0.0	18.0	14.5	2.4	22.5	22.7	3.6	2.9	-0.8	2.1	14.7	11.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	6,505 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.8	18.8	19.7	-8.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	91,232 (4.0)	30.3	25.9	20.9	-75.2	19.9	21.5	5.7	5.1	7.0	3.5	31.4	2.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	53,618 (2.4)	34.6	11.9	13.4	41.2	30.4	23.9	2.9	2.7	-1.0	-4.0	9.5	13.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,113 (0.1)	45.4	17.4	17.5	10.7	20.8	18.8	3.3	3.0	6.9	7.3	3.7	-3.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	84,045 (3.7)	0.0	16.4	14.2	15.5	25.8	27.5	3.8	3.6	-0.6	0.7	4.7	-0.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.